

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2021/DS-PT
Ngày: 25 - 10 - 2021
V/v “Tranh chấp Hợp đồng Dân sự
Vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Vân

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đạt Nguyên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Võ Thị Kim Anh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2021/TLPT- DS ngày 14 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp: “Hợp đồng Dân sự Vay tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 38/2021/DS-ST ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 168/2021/QĐ-PT ngày 17 tháng 6 năm 2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 127/2021/QĐ-PT ngày 16 tháng 8 năm 2021; Thông báo về việc mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số 704/TB-TA ngày 19 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê VT, sinh năm: 1974; cư trú tại tổ 11, thôn BL, xã HT, huyện X, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị HT, sinh năm: 1974; cư trú tại thôn BL, xã HT, huyện X, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Phan Thị LT, sinh năm: 1961; cư trú tại số 93, đường NTN, Phường A, thành phố Y, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 3296, quyền số 92-TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng VT chứng thực ngày 22/9/2020), có mặt.

Người kháng cáo: Bà Lê Thị HT - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ghi ngày 16/7/2020, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của ông Lê VT thì: Ông và bà HT có quan hệ họ hàng với nhau (bà HT là cô họ của ông) nên ngày 25/02/2020 ông có cho bà HT vay số tiền 3.937.600.000đ, số tiền này do ông đi vay của những người khác về cho bà HT vay. Khi vay bà HT trực tiếp viết và ký vào “Giấy mượn tiền và cam kết trả nợ”, mục đích vay là để bà HT đáo hạn Ngân hàng. Thời hạn vay là 03 ngày, lãi suất là 3.000đ/1.000.000đ/ngày; được hai bên thỏa thuận bằng lời nói. Tuy nhiên khi đến hạn bà HT không trả số tiền gốc và lãi cho ông như đã cam kết mặc dù ông đã đòi nhiều lần. Nay ông có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà HT phải có nghĩa vụ trả cho ông số tiền nợ gốc là 3.937.600.000đ và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 25/02/2020 cho đến nay.

- Theo lời trình bày của bà Phan Thị LT, người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị HT, thì: Trong thực tế số tiền nợ gốc mà bà HT vay của ông Lê VT chỉ là 1.650.000.000đ, khi vay số tiền này hai bên không có viết giấy tờ. Đến ngày 25/02/2020 bà HT và ông VT thỏa thuận viết “Giấy mượn tiền và cam kết trả nợ” với số tiền là 3.937.600.000đ, bà HT có ký xác nhận vào giấy này. Tuy nhiên số tiền nợ này là có cả tiền lãi do ông VT tính lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/ngày trên số nợ gốc đã vay. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà HT chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc là 1.650.000.000đ, không đồng ý trả tiền lãi suất theo quy định từ ngày 25/02/2020 cho đến nay.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 38/2021/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2021; Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê VT. Buộc bị đơn bà Lê Thị HT có nghĩa vụ trả cho ông Lê VT số tiền 3.937.600.000đ nợ gốc và 454.280.000đ lãi, tổng cộng là 4.391.880.000đ.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 25/5/2021 bà Lê Thị HT có đơn kháng cáo không đồng ý với Bản án sơ thẩm; cho rằng chỉ nợ ông VT số tiền nợ gốc là 2.650.000.000đ, số tiền ghi trong “Giấy mượn tiền và cam kết trả nợ” bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi.

Tại phiên tòa,

Bà Phan Thị LT, người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị HT, vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ông Lê VT đề nghị giải quyết như Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị HT, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc ông Lê VT có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị HT phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 3.937.600.000đ và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 25/02/2020 cho đến nay. Bà HT cho rằng chỉ vay của ông VT số tiền 1.650.000.000đ và lãi suất hai bên thỏa thuận là 3.000đ/1.000.000đ/ngày nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Tranh chấp Hợp đồng Dân sự Vay tài sản*” là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà HT thì thấy rằng:

[2.1] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện giữa ông VT và bà HT có quan hệ họ hàng, việc ông VT cho bà HT vay tiền là có xảy ra trong thực tế và được các bên đương sự thừa nhận nhưng các bên có tranh chấp về số tiền vay.

Ông VT cho rằng bà HT vay của ông số tiền 3.937.600.000đ theo nội dung của “Giấy mượn tiền và cam kết trả nợ” ngày 05/02/2020; bà HT cho rằng chỉ vay của ông VT 1.650.000.000đ, không viết giấy vay tiền, đến ngày 25/02/2020 bà với ông VT có viết “Giấy mượn tiền và cam kết trả nợ” số tiền 3.937.600.000đ và ký xác nhận vào giấy vay tiền này. Tuy nhiên số tiền này có cả tiền gốc và tiền lãi.

Qua đánh giá toàn diện vụ án thì thấy rằng: Theo nội dung “Giấy mượn tiền và cam kết trả nợ” ghi ngày 25/02/2020 thì: “*Hôm nay, ngày 02/02/2020, tại thôn BL, xã HT, huyện X, tỉnh Lâm Đồng, tôi là Lê Thị HT, sinh năm 1974, chứng minh nhân dân số 250357835, cấp ngày 29/6/2019, nơi cấp Công an Lâm Đồng, có mượn của ông VT số tiền 3.937.600.000đ (ba tỷ chín trăm bảy mươi bảy sáu trăm nghìn đồng). Lý do mượn để đảo hạn Ngân hàng, phía dưới ký tên người cho vay Lê VT và người vay Lê Thị HT*”. Như vậy, theo nội dung giấy vay tiền nói trên thì bà HT vay của ông VT số tiền nợ gốc là 3.937.600.000đ, trong nội dung giấy vay tiền này không thể hiện ghi tiền lãi nhập vào gốc như bà HT trình bày. Đồng thời, bà HT trình bày trước đó chỉ vay số tiền 1.650.000.000đ tiền nợ gốc và không lập giấy vay tiền đối với số tiền này, tuy nhiên bà HT không xuất trình được căn cứ chứng minh còn ông VT lại không thừa nhận.

[2.2] Tại giai đoạn phúc thẩm bà HT xuất trình nội dung ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà Lê Thị HT với ông VT ngày 24/9/2020. Bản thân ông VT thừa nhận giọng nói trong cuộc hội thoại này là của mình. Theo Kết luận giám định số 1198/GĐ-PC09 ngày 24/9/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Lâm

Đồng thì nội dung của đoạn ghi âm này không rõ ràng, không xác định được việc ông VT cho bà HT vay bao nhiêu tiền và cũng không thể hiện đến ngày 24/9/2020 bà HT chỉ còn nợ ông VT 2.650.000.000đ.

Tại đơn kháng cáo ngày 25/5/2021 bà HT lại cho rằng chỉ nợ ông VT số tiền gốc là 2.650.000.000đ, số tiền ghi trong “Giấy mượn tiền và cam kết trả nợ” bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi là có sự mâu thuẫn với những lời trình bày trước đó nên có cơ sở xác định bà HT có nợ ông VT số tiền nói trên.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi suất:

[3.1] Về thời điểm tính lãi suất: Theo nội dung “Giấy mượn tiền và cam kết trả nợ” ngày 25/02/2020 không thể hiện thời hạn trả nợ; ông VT cho rằng hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 03 ngày nhưng bà HT lại không thừa nhận nên việc cấp sơ thẩm tính lãi kể từ ngày 28/02/2020 là không có cơ sở mà cần xác định mốc thời gian tính lãi suất đối với khoản tiền vay 3.937.600.000đ là ngày Tòa án thụ lý vụ án theo trình tự sơ thẩm (ngày 20/8/2020) mới phù hợp.

[3.2] Về mức lãi suất:

Nội dung “Giấy mượn tiền và cam kết trả nợ” ngày 25/02/2020 không thể hiện việc vay có lãi suất. Tuy nhiên ông VT và bà HT đều thừa nhận khi xác lập hợp đồng vay tiền hai bên thỏa thuận lãi suất là 3.000đ/1.000.000đ/ngày (tương ứng với 9%/tháng), các bên không tranh chấp lãi suất; lẽ ra phải căn cứ vào khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 điều chỉnh theo mức lãi suất là 20%/năm nhưng cấp sơ thẩm lại áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi theo mức lãi suất là 10%/năm là không chính xác. Tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm, ông VT không kháng cáo nên không đề cập và sửa án sơ thẩm đối với phần này.

[4] Về chi phí tố tụng: quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm, bà HT có yêu cầu giám định nội dung đoạn ghi âm giữa bà Lê Thị Hoàng Hóa với ông VT. Theo Kết luận giám định số 1198/GĐ-PC09 ngày 24/9/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Lâm Đồng thì thể hiện nội dung của đoạn ghi âm này không rõ ràng, không thể hiện rõ được khoản tiền vay giữa bà HT với ông VT; kháng cáo của bà HT không được chấp nhận nên cần buộc bà HT phải chịu toàn bộ lệ phí giám định là 5.110.000đ (đã tạm nộp và được Tòa án quyết toán xong).

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bà Lê Thị HT phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho ông VT. Tuy nhiên, bà HT có đơn xin miễn giảm án phí hợp lệ nên cần căn cứ khoản 1 Điều 13, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; cần giảm $\frac{1}{2}$ án phí cho bà Lê Thị HT là có

căn cứ. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà HT phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

[6] Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị HT, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 161, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 1 Điều 13, Điều 15, khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị HT, sửa Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê VT đối với bà Lê Thị HT về việc “*Tranh chấp Hợp đồng dân sự Vay tài sản*”.

Buộc bà Lê Thị HT phải có trách nhiệm trả cho ông Lê VT số tiền là 4.391.880.000đ (bốn tỷ ba trăm chín mươi một triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng {trong đó có 3.937.600.000đ (ba tỷ chín trăm ba mươi bảy triệu sau trăm nghìn đồng) tiền gốc và 454.280.000đ (bốn trăm năm mươi bốn triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng) tiền lãi}).

2. Về chi phí tố tụng: buộc bà Lê Thị HT phải chịu 5.110.000đ (năm triệu một trăm mười nghìn đồng) lệ phí giám định (đã tạm nộp và được Tòa án quyết toán xong).

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị HT phải chịu 56.120.118đ án phí Dân sự sơ thẩm (đã giảm ½).

- Án phí phúc thẩm: Bà Lê Thị HT phải chịu 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001398 ngày 04/6/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện X, tỉnh Lâm Đồng. Bà HT đã nộp đủ án phí Dân sự phúc thẩm.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND huyện X, tỉnh Lâm Đồng (01);
- Chi cục THADS huyện X, tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV &THA (01);
- Đường sự (02);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Huỳnh Châu Thạch